

Số: 3/5 / TB-TCKT

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 07 năm 2018

## THÔNG BÁO

(V/v: Lịch thu học phí và công nợ khác học kỳ I năm học 2018 – 2019)

Phòng Tài chính kế toán thông báo lịch thu học phí và các khoản công nợ khác học kỳ I năm học 2018 - 2019

### I. Thời gian thu

Từ ngày 01/08/2018 đến ngày 15/08/2018

### II. Hình thức và đối tượng thu nộp

#### **1. Thu nộp qua hệ thống tài khoản ngân hàng**

- Đối tượng thu nộp : Học viên cao học, HS - SV hệ chính quy dài hạn: Đại học, Cao đẳng; Liên thông hệ chính quy; Hệ Vừa làm vừa học.

- Khoản mục thu nộp: Học phí và các khoản công nợ khác.

- Hình thức thu nộp: Thu nộp theo hình thức gạch nợ bán tự động (theo hướng dẫn số 189/HD - ĐHCNQ ngày 06/06/2017 V/v hướng dẫn quy trình thực hiện thu công nợ học sinh, sinh viên, học viên qua Ngân hàng)

+ HS - SV, Học viên hoặc người nhà đến các điểm giao dịch của Agribank trên toàn quốc hoặc các Ngân hàng khác hệ thống Agribank viết giấy nộp tiền hoặc ủy nhiệm chi vào tài khoản của Nhà trường mở tại Agribank Mạo Khê.

+ HS - SV, Học viên hoặc người nhà nộp tiền theo một số hình thức khác như: internet banking; SMS... (nếu có).

- Tên đơn vị được hưởng: Trường Đại học Công Nghiệp Quảng Ninh

- Số tài khoản: 8012201005440

- Tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Mạo Khê - Quảng Ninh

\* Nội dung: (Ghi rõ, đầy đủ) Họ tên HSSV, Học viên; Mã số HSSV, Học viên; Sinh ngày, tháng, năm; Lớp học; Nộp tiền học phí kỳ... năm học...

\* Sau khi nộp đầy đủ học phí vào tài khoản của Nhà trường tại Ngân hàng; HSSV, học viên về phòng Tài chính kế toán để nhận hóa đơn thu học phí vào thứ 2 hàng tuần (nếu có nhu cầu)

#### **2. Thu bằng tiền mặt tại quỹ Nhà trường**

- Đối tượng thu nộp:

+ Các lớp hệ chính quy đã ra trường vẫn còn công nợ

+ Các lớp học sinh khối Bổ túc văn hóa, Trung cấp nghề.

- Khoản mục thu nộp: Học phí và các khoản công nợ khác

### III. Địa điểm thu:

#### 1. Thu qua hệ thống tài khoản ngân hàng

+ Tại ngân hàng giao dịch của Nhà trường: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Agribank.

+ Tại các hệ thống ngân hàng khác trên toàn quốc.

(Phí dịch vụ giao dịch tại ngân hàng: Theo mức phí của ngân hàng tại thời điểm giao dịch)

#### 2. Thu tại quỹ bằng tiền mặt

+ Cơ sở I - Yên Thọ: Phòng thu học phí (Phòng Tài chính - Kế toán) - Tầng 1 nhà E - Đối diện giảng đường 4 tầng.

### IV. Mức thu

#### a. Mức thu học phí

T	Hệ Đào tạo	Văn bản ban hành	Mức thu
A	<b>Hệ đào tạo chính quy</b>		
1	<b>Hệ niên chế</b>		
-	Thạc sỹ	Quyết định số 102/QĐ - ĐHCNQN ngày 16/07/2018	1.440.000 đ/tháng/học viên * 5 tháng
-	Đại học		960.000đồng/tháng/sinhviên*5 tháng
-	Cao đẳng		770.000đồng/tháng/sinhviên*5 tháng
-	Trung cấp nghề		670.000đồng/tháng/sinhviên*5 tháng
2	<b>Hệ tín chỉ</b>		
-	Cao học khóa 2 hệ chính quy	Quyết định số 104/QĐ - ĐHCNQN ngày 16/7/2018	505.000 đồng/tín chỉ
-	Cao học khóa 1 hệ chính quy	Quyết định số 66A/QĐ - ĐHCNQN ngày 17/04/2017	458.000 đồng/tín chỉ
-	Đại học chính quy K11	Quyết định số 105/QĐ - ĐHCNQN ngày 16/7/2018	295.000 đồng/tín chỉ
-	Liên thông chính quy CĐ - ĐH K11	Quyết định số 103/QĐ - ĐHCNQN ngày 16/7/2018	298.000 đồng/tín chỉ
-	Đại học chính quy K10	Quyết định số 60/QĐ - ĐHCNQN ngày 14/4/2017	282.000 đồng/tín chỉ
-	Liên thông chính quy CĐ - ĐH K10	Quyết định số 61/QĐ - ĐHCNQN ngày 14/4/2017	270.000 đồng/tín chỉ
-	Đại học chính quy K9	Quyết định số	- Đại học : 256.000 đồng/tín chỉ



-	Cao đẳng K26	125A,126A/QĐ - ĐHCNQN ngày 14/6/2016	- Cao đẳng: 193.000 đồng/tín chỉ
-	Đại học chính quy K8 - Cao đẳng K25	Quyết định số 330;333/QĐ - ĐHCNQN ngày 30/11/2015	- Đại học : 230.000 đồng/tín chỉ - Cao đẳng: 173.000 đồng/tín chỉ
-	Liên thông CĐ - ĐH K9	Quyết định số 126B/QĐ - ĐHCNQN ngày 14/6/2016	245.000 đồng/tín chỉ
-	Đại học chính quy K7	Quyết định số 361/QĐ- ĐHCNQN ngày 28/12/2015	225.000 đồng/tín chỉ
<b>B</b>	<b>Hệ đào tạo không chính quy</b>		
<b>1</b>	<b>Hệ vừa làm vừa học</b>		
-	Đại học	Quyết định số 101/QĐ- ĐHCNQN ngày 16/07/2018	5.500.000 đồng/kỳ học/học viên
-	Cao đẳng		4.500.000 đồng/kỳ học/học viên
<b>C</b>	<b>Hệ Bổ túc văn hóa</b>		
1	Trung học phổ thông	Hướng dẫn số 2679/SGDĐT - KHTC ngày 23/8/2016	- Vùng nông thôn: 50.000 đ/tháng/HS - Vùng thành thị: 125.000 đ/tháng/HS

**b. Bảo hiểm y tế**

**1. Mức tiền BHYT phải thu năm 2019 như sau:**

- Căn cứ Luật bảo hiểm Y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;
- Căn cứ Nghị quyết 49/2017/QH14 ngày 13 tháng 11 năm 2017 về dự toán Ngân sách Nhà nước (Khoản 7 Điều 3) về mức lương cơ sở thực hiện từ ngày 1 tháng 7 năm 2018: 1.390.000 đồng/tháng.

TT	Hệ Đào tạo	Số tiền BHYT phải thu năm 2019
1	Đại học K9,K10	525.420 đồng/12 tháng
2	Đại học K8, Cao đẳng K26	394.065 đồng/9 tháng
3	Học sinh hệ BTVH lớp 10,11	525.420 đồng/12 tháng
4	Học sinh hệ BTVH lớp 12	262.710 đồng/6 tháng

*Mức thu của một sinh viên/tháng = 1.390.000 đồng/tháng x 4,5% x 70% = 43.785 đồng/tháng*

## 2. Những trường hợp không tham gia mua BHYT tại trường.

Đề nghị Sinh viên phải nộp đơn và xác nhận của địa phương hoặc nơi đang công tác về phòng Tài chính kế toán trước ngày 30 tháng 11 năm 2018 để Nhà trường gửi danh sách mua Bảo hiểm.

**Yêu cầu:** Các học sinh, sinh viên căn cứ Công nợ học phí và công nợ khác đã thông báo để nộp theo đúng thời gian quy định. Nếu quá thời gian quy định, học sinh - sinh viên nào chưa đóng học phí, công nợ khác Nhà trường sẽ xử lý kỷ luật theo quy định số 10/QĐ-ĐHCNQN ngày 11 tháng 7 năm 2017.

Cụ thể như sau:

- Khiển trách đối với HS - SV không nộp đủ công nợ sau 2 tuần kể từ ngày thông báo.
- Cảnh cáo đối với HS - SV không nộp đủ công nợ sau 3 tuần kể từ ngày thông báo.
- Đình chỉ học tập đối với HS - SV không nộp đủ công nợ sau 4 tuần kể từ ngày thông báo.

### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu (báo cáo)
- Phòng Đào tạo
- Phòng CT HSSV
- Các khoa; trung tâm
- Lưu VT, TCKT

TL. HIỆU TRƯỞNG  
KT. TP. PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
PPP. TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



*Lê Thị Tuyết Thanh*